TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2026
V/v:"Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Thăng**- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa***: Ông **Tiêu Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, tỉnh An Giang.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn Th,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, tỉnh An Giang.

Ông Th được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Đặng Văn Th kết hôn vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà không có con chung; về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, bà và ông Thơi không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Về quan hệ hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù bà đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân nhưng không đạt kết quả; nếu tiếp tục chung sống chỉ làm mâu thuẫn kéo dài. Vì vậy, từ tháng 7/2025 đến nay, hai bên đã sống ly thân.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, nên trong quá trình giải quyết bà T yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Đặng Văn Th;

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Đối với bị đơn ông Đặng Văn Th****:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, nhưng ông Đặng Văn Th vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau*:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn Th, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp xin ly hôn". Bị đơn cư trú tại ấp Th, xã Th, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Văn Th đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh Ti và ông Đặng Văn Th được gia đình chấp nhận nên quyết định đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND xã T, tỉnh An Giang), do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Đặng Văn Th là hợp pháp.

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh T, thời gian đầu chung sống, bà và ông Đặng Văn Th có cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên hai bên đã ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ánh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của bà Tươi cho ông Đặng Văn Th theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời tạo điều kiện để ông Th tham gia ý kiến, trình bày quan điểm đối với yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, cho đến nay, ông Th không có ý kiến phản hồi, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện mong muốn đoàn tụ hay có ý kiến khác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã kéo dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T, cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn Th theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày các bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ yêu cầu khởi kiện của bà T cho ông Đặng Văn Th theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời tạo điều kiện để ông Th trình bày ý kiến, quan điểm về tài sản chung. Tuy nhiên, đến nay ông Th không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với tài sản chung. Trường hợp sau này các đương sự phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày trong quá trình chung sống, bà và ông Th không có phát sinh nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T, cho bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Đặng Văn Thơi.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006191 ngày 27/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *Phòng THADS Khu vực 3;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết